

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group G8

Round 4

Board 1

WHITE						FED			RESULT (W)		
zhouyi xin						CHN			1		
BLACK						FED			RESULT (B)		
zheng jiantian						CHN			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb6	Rf8	41	c3	Bh4	61	Qe6	Kh6
2	Nf3	g6	22	Nb6	Ra8	42	Gc5	Qa5	62	Qd5	Bh4
3	Bc4	e6	23	Bc5	Rf8	43	Ra1	Re7	63	Qf7	Kg5
4	Nc3	Ne7	24	b4	Ne7	44	Qe3	Ng8	64	Qf6	Kh6
5	d4	d5	25	Nc4	Nc6	45	Nc5	Rc2	65	Qh4	
6	Bb5	Bd7	26	Nc6	Qc6	46	Nb3	Bd8	66		
7	d6	Bb5	27	Qc5	Rd7	47	b6	Rb7	67		
8	Nb5	Qa5	28	Ra1	Rb8	48	Nc5	Rb8	68		
9	Nc3	Qc5	29	Rb3	Rb8	49	Nb7	Na7	69		
10	Re3	Qd6	30	Bb6	Qa4	50	a6	Rd7	70		
11	O-O	Bg7	31	Bd6	Rd6	51	b7	Rb7	71		
12	Q5	Qd7	32	Nb7	Rb8	52	Rb7	Ne7	72		
13	a4	O-O	33	Nc5	Qb5	53	a7	Nc6	73		
14	Nb5	Nf5	34	Rb5	Qc6	54	Qc5	Qb7	74		
15	Ba7	Nb6	35	Qa6	Qc7	55	Qa6	Qb7	75		
16	Bb5	Rf8	36	Qd6	Qa7	56	Qa6	Rb6	76		
17	Re1	Ra8	37	Na6	Rb7	57	Qa2	Bf2	77		
18	Qe2	Ra8	38	b5	Bf8	58	Kk1	Qa2	78		
19	g4	Nh6	39	Qd6	Rg7	59	Ra2	Bh4	79		
20	h3	Qd8	40	Qc8	Be7	60	Ra1	Bg3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zhouyi xin			zheng jiantian			S9m					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8.24

Group G8

Round 4

Board 1

WHITE 周子心						FED			RESULT (W) 1		
BLACK zheng jiantian						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb6	Rf8	41	c3	Bh4	61	Qe6	Kh6
2	Nf3	Bb6	22	Nd6	Ra8	42	Qc5	Ra1	62	Qd5	Bh4
3	Bc4	e6	23	Bc5	Rd8	43	Ra1	Re7	63	Qf7	Kg5
4	Nc3	Ne7	24	b4	Ne7	44	Qe3	Ng8	64	Qf6	Kh6
5	d4	d5	25	Nc4	Nc6	45	Nc5	Rc7	65	Qh4	
6	Bb5	Bd7	26	Nc6	Qc6	46	Nd3	Bd8	66		
7	d6	Bb5	27	c5	Bd7	47	b6	Rb7	67		
8	Nb5	Qa5	28	Ra1	Rb8	48	Nc5	Rb8	68		
9	Nc3	Qc5	29	Rd3	Rd8	49	Nd7	Rb7	69		
10	Re3	Qd6	30	Bb6	Qa4	50	a6	Rd7	70		
11	O-O	Bg7	31	Bd6	Rd8	51	b7	Rb7	71		
12	e5	Qd7	32	Nb7	Rb8	52	Rb7	Ne7	72		
13	a4	O-O	33	Nc5	Qb5	53	a7	Nc6	73		
14	Nb5	Nf5	34	Rb5	Qc6	54	Qc5	Qb7	74		
15	Ba7	Nb6	35	Qa6	Qc7	55	Qa6	Qb7	75		
16	Bb5	Rf8	36	Qd6	Qa7	56	Qc6	Bb6	76		
17	Re1	Ra8	37	Nc6	Rb7	57	Qa2	Bf2	77		
18	Qe2	Rd8	38	b5	Bf8	58	Kf1	Qa2	78		
19	g4	Nh6	39	Qd8	Rg7	59	Ra2	Bh4	79		
20	h3	Qd8	40	Qc8	Be7	60	Ra7	Bg3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zhou yi xin			zheng jiantian			S9m					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/24

Group 68
Round 4
Board 2

WHITE wangyinglu						FED CHN			RESULT(W) 0		
BLACK zha, Yunxi						FED CHN			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Ne6	Qe6	41	Ra2	Rb1	61	Kd3	Kd5
2	d4	d5	22	Rfe1	RBa3	42	Ke2	Bo3	62	Na3	Kc85
3	ed	ed	23	Rd1	Bd6	43	Ke3	Rd1	63	Nb1	f85
4	Bd3	Nf6	24	Bf6	g	44	Ke2	RRa1	64	Kc2	Kb4
5	h3	Be7	25	Qd2	af5	45	Ra1	Ba1	65	c4	Kc94
6	Nf3	O-O	26	Nd4	Qg6	46	Kd3	Kg6	66	Kd3	Kb3
7	O-O	c4	27	c3	Kh7	47	g4	f5	67	Ke2	Kd1
8	d6	Bc5	28	Nf3	Rg8	48	Kd2	fg	68	Kb1	Na2
9	Bg5	Nf6	29	Qd3	Rc3	49	h9	h5	69	Ke2	Kc2
10	Nc3	h6	30	Qg6	Rg6	50	Nh2	h9	70	Kf2	b1a
11	Bh4	Bb6	31	Nh4	Qg5	51	Ng4	Kc5	71	Kb3	Qa1
12	Re1	ab	32	Kf1	Rb3	52	Ne3	af4	72	Kc2	Be1
13	a4	Nb4	33	Rb1	Rb4	53	Nc2	Bf3	73	Kc2	d3
14	Rf1	Nd3	34	Rb4	Bb4	54	Ke2	Kf4	74	Ke3	d2
15	Qd3	Bd7	35	Rc1	Ba5	55	f3	b5	75	Kd6	d1=Q
16	Ra1	Qb6	36	Nf3	Rf5	56	af	ba	76	Kc5	Bc2
17	Bb3	Rac8	37	Rb1	Bb6	57	Na3	b4	77	Kb4	ad4
18	Rc1	Qc6	38	Ke2	Rf4	58	Nb1	b3	78	Kb5	af7
19	Ne2	Qd7	39	Ra1	Rc4	59	Na3	b2	79	Kc5	Qa1
20	Nh4	Rfe8	40	Kb3	Rb4	60	Nb1	Kb5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
wangyinglu			ZhaYunxi			SSM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group 68
Round 4
Board 2

WHITE wangyinglu						FED CHN			RESULT(W) 0		
BLACK ZhaYunxi						FED CHN			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nxe6	Qe6	41	Ra2	Rd	61	Kd3	Kd5
2	d4	d5	22	Rfe1	Ba3	42	Ke2	BC3	62	Na3	Kc5
3	ed	ed	23	Rd1	Bd6	43	Ke3	Re1	63	Nb1	f85
4	Bd3	Nf6	24	Bf6	g	44	Ke2	Ra1	64	Kc2	Kb5
5	h3	Be7	25	Qd2	af5	45	Ra1	Ba1	65	f5	Kh5
6	Nf3	O-O	26	Nd4	Qg6	46	Kd3	Kb6	66	Kc3	Kb3
7	O-O	c4	27	c3	Kh7	47	g4	f5	67	Ke2	Kd2
8	d6	Bc5	28	Nf3	Rb8	48	Ke2	fg	68	Kd1	Kxb1
9	Bb5	Nc6	29	Qd3	Rc3	49	hg	h5	69	Ke2	Kc2
10	Nc3	h6	30	Qxb6	Rxb6	50	Nh3	hg	70	Kf2	b1a
11	Bh5	Rae6	31	Nh4	Qg5	51	Ng4	Kc5	71	Kb3	Qh1
12	Re1	af6	32	Kf1	Rxb3	52	Ne3	d4	72	Kc2	Be1
13	h4	Nb5	33	Rb1	Rb4	53	Nf2	Be3	73	Ke2	d3
14	Rf1	Nd3	34	Rb5	Bxb5	54	Ke2	Kf5	74	Ke3	d2
15	Qd3	Be7	35	Rc1	Ba5	55	f3	b5	75	Kd4	d1=Q
16	Ra1	Qb6	36	Nf3	Rf5	56	af	ab	76	Ke2	Be2
17	b3	Rac8	37	Rb1	Bb6	57	Nb3	b4	77	Kb4	Qd5
18	Rc1	Qc6	38	Ke2	Rf5	58	Nb1	b6	78	Kb4	Qb7
19	Ne2	Qd7	39	Ra1	Rc4	59	Nh3	b7	79	Ka5	Qa8
20	Nh4	Rfe8	40	Kb3	Rb5	60	Nb1	Ke5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
wangyinglu			ZhaYunxi			SSM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

10:32
Group
G08
Round
4
Board
3

WHITE Gong, zhi xuan						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, He zi						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nd4	Ne5	41			61		
2	d4	d5	22	Re5	~~Bd6~~	42			62		
3	ed	cd	23	Qb5	Qb5	43			63		
4	Bd3	Ne6	24	Rb5	~~Bb6~~	44			64		
5	c3	Nf6	25	Rh5	~~Re5~~	45			65		
6	Bf4	Bg4	26	~~Kg8~~	~~Nh8~~	46			66		
7	Qb3	Qd7	27	b3	Rg4	47			67		
8	Nd2	e6	28	Rd1	Re4	48			68		
9	~~Nf3~~	Bd6	29	Kf1	Re5	49			69		
10	Bd6	Qd6	30	a4	Ra5	50			70		
11	O-O	~~O-O~~	31	Ra1		51			71		
12	Rfe1	Nh5	32			52			72		
13	h3	Nf4	33			53			73		
14	Bh7	Kh7	34			54			74		
15	h9	Rh8	35			55			75		
16	Ne5	dp	36			56			76		
17	~~Qd6~~	~~Qa6~~	37			57			77		
18	~~Qc4~~	~~d4~~	38			58			78		
19	~~Re4~~	~~Nb6~~	39			59			79		
20	Nf3	Rad8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Gong, zhi xuan			SIGNATURE (BLACK) Guo, He zi			SIGNATURE (ARBITER) SSY					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.24

10:32
Group
G08
Round
4
Board
3

WHITE Gong, zi yi xuan						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, He zi						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nd4	Nxe5	41			61		
2	d4	d5	22	Rxe5	Rxd4	42			62		
3	exd5	exd5	23	~~axb5~~	axb5	43			63		
4	Bd3	Nc6	24	Rb5	b6	44			64		
5	c3	Nf6	25	Rh5	Kg8	45			65		
6	Bf4	Bg4	26	Rxh8	Kxh8	46			66		
7	Qb3	Qd7	27	b3	Rg4	47			67		
8	Nd2	e6	28	Rd1	Re4	48			68		
9	~~Nf3~~	Bd6	29	Kf1	Re5	49			69		
10	Bd6	Qd6	30	a4	Ra5	50			70		
11	O-O	O-O	31	Ra1		51			71		
12	Rfe1	Nh5	32			52			72		
13	h3	Nf4	33			53			73		
14	Bh7	Kxh7	34			54			74		
15	hxg4	Rh8	35			55			75		
16	Ne5	~~Nxe5~~	36			56			76		
17	~~Qd6~~	~~Qa6~~	37			57			77		
18	c4	d4	38			58			78		
19	Re4	Ng6	39			59			79		
20	Nf3	Rad8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Gong, zi yi xuan			SIGNATURE (BLACK) Guo, He zi			SIGNATURE (ARBITER) SSY					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group G08
Round 4
Board 4

WHITE Wu Shihua						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Tang Yintong						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g4	Bg6	41	Bb7	Bd3	61	Ng5	Kxa5
2	c4	g6	22	Na2	Nb6	42	Bd5	Bb5	62	Nf7	Rf8
3	Nf3	Bg7	23	Qc3	Qd7	43	Bf3	Rg5	63	Ng5	Kb4
4	~~d3~~ 0-0		24	a5	Nc4	44	Be4	f5	64	Nh7	Rh8
5	Bg2	c6	25	f4	g4	45	Bf3	Kg6	65	Ng5	d5
6	Nc3	d5	26	Bxf4	Nd6	46	Nc3	f4	66	Nf7	Rf8
7	cd	cd	27	Rac1	Rbc8	47	Ne4	Re5	67	Ng5	d4
8	0-0	Nc6	28	Qd2	Nc4	48	Nd6	h5	68	Nh7	Rd8
9	h3	a6	29	Qc3	Qa7	49	Ne4	h4	69	Ng5	Bc4
10	a4	Re8	30	e3	e5	50	Kg2	Kf5	70	Nf3	a3
11	Re1	h6	31	de	Nx05	51	Nf2	Be2	71	Nh4	a2
12	Bf4	Bf5	32	Bxe5	Bxe5	52	Bb7	Re8	72	Bd5	Bx05
13	Qc1	Kh7	33	Qc5	Qxc5	53	Bc6	Rg8	73	Ng2	Bxg2
14	Qd1	Rc8	34	Rxc5	Bd4	54	Kh3	Bf1	74	Kxg2	Q1-Q
15	Ne5	kg8	35	Rc1	Bxe3	55	Kh2	Kx05	75	Kf3	Rd4
16	Nxc6	bc	36	Rxe3	Rxe3	56	Bf3	Kd4	76	Kg4	Qa5
17	Qd2	Kh7	37	Bxd5	Rxh3	57	Bh1	Kc4	77	Kf3	Qf5
18	b4	g5	38	Rxc6	Rxc6	58	Ne4	Kxb4	78	Ke2	Qh3
19	Be3	Rb8	39	Bxc6	Rg3	59	Nf6	Rf8	79	Kf2	Rd2
20	Qb2	Nd7	40	Kf2	Rxg4	60	Nh7	Rh8	80	Ke1	Qe3
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu Shihua			Tang Yintong			S96			81 Kf1 Qf2#		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group G08
Round 4
Board 4

WHITE Wu Shihua						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Tang Yintong						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g4	Bg6	41	Bb7	Bd3	61	Ng5	Ka5
2	c4	g6	22	Na2	Nb6	42	Bd5	Bb5	62	Nf7	Rf8
3	Nf3	Bg7	23	Qc3	Qd7	43	Bf3	Rg5	63	Ng5	Kb4
4	g3	0-0	24	a5	Nc4	44	Be4	f5	64	Nh7	Rh8
5	Bg2	c6	25	f4	g4	45	Bf3	Kg6	65	Ng5	a5
6	Nc3	d5	26	Bf4	Nd6	46	Nc3	f4	66	Nf7	Rf8
7	~~cd~~ cd		27	~~Rc1~~ Rc1	Rbc8	47	Ne4	Re5	67	Ng5	a4
8	0-0	Nc6	28	Qd2	Nc4	48	Nd6	h5	68	Nh7	Rd8
9	h3	a6	29	Qc3	Qa7	49	Ne4	h4	69	Ng5	Bc4
10	a4	Re8	30	e3	e5	50	Kg2	Kf5	70	Nf3	a3
11	Re1	h6	31	de	Ne5	51	Nf2	Be2	71	Nh4	a2
12	Bf4	Bf5	32	Be5	Be5	52	Bb7	Re8	72	Bd5	Bd5
13	Qc1	Kh7	33	Qc5	Qc5	53	Bc6	Rg8	73	Ng2	Bg2
14	Qd1	Rac8	34	Rc5	Bd4	54	Kh3	Bf1	74	Kg2	a11-Q
15	Ne5	~~Kx05~~	35	Rc1	Be3	55	Kh2	Kc5	75	Kf3	Rd4
16	~~Nc6~~ Kc6		36	Re3	Re3	56	Bf3	Kd4	76	Kg4	Qa5
17	Qd2	Kh7	37	Bd5	Rh3	57	~~Bh1~~ Bh1	Kc4	77	Kf3	~~Qf5~~ Qf5
18	b4	g5	38	Roc6	Rc6	58	Ne4	Kb4	78	Ke2	Qh3
19	Be3	Rb8	39	Bc6	Rg3	59	Nf6	Rf8	79	Kf2	Rd2
20	Qb2	Nd7	40	Kf2	Rg4	60	Nh7	Rh8	80	Ke1	Qe3
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu Shihua			Tang Yintong			S96			81 Kf1 Qf2#		

81 Kf1 Qf2#

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24th Aug 2026

Group G8
Round 4
Board 5

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP Singapore			RESULT (W) 0		
BLACK oh Yeran						FED KOR Korea			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Neg	h4	41	Bg2		61		
2	c4	e6	22	~~h4~~	Ag	42			62		
3	Ng3	Nf6	23	Bg3	Re8	43			63		
4	Bg5	Qe7	24	Qe3	Qe6	44			64		
5	Nf3	O-O	25	b3	Ng5	45			65		
6	e3	h6	26	h2	P-S	46			66		
7	Bh4	b6	27	Qe2		47			67		
8	Bd3	Bb1	28	~~A2~~	g4	48			68		
9	O-O	Nd7	29	~~g4~~	ef3	49			69		
10	Qc2	C5	30	~~Qe1~~	Qc1	50			70		
11	Ra4	Rc8	31	~~Qe1~~	Qc1	51			71		
12	cd5	ed5	32	~~Qe1~~	Qc1	52			72		
13	Rfe1	Re8	33	~~Qe1~~	Qc1	53			73		
14	Qd2	cd4	34	~~Qe1~~	Qc1	54			74		
15	Qe1	Qd2	35	~~Qe1~~	Qc1	55			75		
16	Re1	Re1	36	~~Qe1~~	Qc1	56			76		
17	Re1	Qc1	37	d5	Qd7	57			77		
18	Rc1	Ne4	38	b4	BH	58			78		
19	Be6	de4	39	Bd3	h4	59			79		
20	Bg3	Qc6	40	Rf4	Kh1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Z			LYB			S M					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group G08
Round 4
Board 5

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK oh Yeran						FED KOR			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nf5	Nf6	41	Kh1	Bg2	61		
2	C4	C6	22	Bx05	f6	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Bg3	Re8	43			63		
4	Bg5	Bc7	24	Qe3	Qc6	44			64		
5	Nf3	O-O	25	b3	g5	45			65		
6	C3	h6	26	h3	f5	46			66		
7	Bh4	b6	27	Qe2	f4	47			67		
8	Bd3	Bb7	28	Bh2	f3	48			68		
9	O-O	Nb7	29	Qxf3	Cxf3	49			69		
10	Qc2	C5	30	Qd3	Qe1	50			70		
11	Ra4	Rc1	31	Qf1	Qxf1	51			71		
12	Cxd5	Cxd5	32	Kxf1	Ba6	52			72		
13	Rfe1	Rfe8	33	Kg1	Bxc3	53			73		
14	Qd2	Cxd4	34	Kh1	Re1	54			74		
15	Cxd4	Bb4	35	Rxe1	Bxe1	55			75		
16	Rc1	Rxe1	36	Bg1	h5	56			76		
17	Rxe1		37	d5	Kf7	57			77		
18	Rc1	Nf4	38	b4	Bf1	58			78		
19	Bxc4	dxc4	39	Kh2	Bd2	59			79		
20	Bg3	Qc6	40	h4	Bf4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Z			LYB			S M					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 18.8.24

Group 68
Round 4
Board 6

WHITE Nong Xi-Fan						FED						RESULT (W)					
BLACK Hong Yi-Fan						FED						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf3	Bxc4	41	Nxf1	Rd4	61	Kxb4	Kf4						
2	d4	d5	22	Rm1	Bc4	42	Rc1	Rd2	62	Kc4	kg3						
3	Nc3	dxc3	23	R2e1	ab	43	Kg3	Rb2	63	Kd3	Kxg2						
4	~~Axg5~~	Nd7	24	Nd4	Re3	44	Nd6	Nxb6	64	Ke2	h5						
5	Nf3	Kf6	25	b3	Bd5	45	exd6	Rxb4	65	Ke2	h4						
6	Ng3	eb	26	Rx00+	Rxe3	46	Bxa6	Bd7	66	Kf4	h3						
7	Bd3	Bd	27	f3	Re3	47	Bd3	Rd4	67	Kg5	h2						
8	Na4	Nxd4	28	c4	Be6	48	Rc7	Rxd6	68	Kxg6	h2=Q						
9	Bd4	0-0	29	Kf2	Rp5	49	Re4	b5	69	Kf5	Qe1						
10	c3	Re3	30	Bd3	Bd7	50	Rb1	h6	70	Kg5	Qe2						
11	0-0	c5	31	b4	Kf3	51	Kf2	Ke1	71	Kg5	Qe3						
12	~~Bd3~~	Nf6	32	Nb3	Be6	52	Ke3	Kd8	72	Kg4	Qf3						
13	Bc2	exd4	33	Nc5	Bc5	53	Ke2	Re6	73	Kh5	Qg2						
14	Bxa4	e5	34	Be2	Nd7	54	lcl2	Kc8	74	Kh4	Kf3						
15	Bxe5	Bxe5	35	Ne4	Re1	55	Kd1	Rxc4	75	Kh5	Kf4						
16	Qxb3	Bxb3	36	Rd1	Ke1	56	Rxd7	Kxd1	76	Kh4	Qh6#						
17	Nxb2	Rxb2	37	c5	Rd3	57	~~Bxe4~~	Kd6	77								
18	Rfe1	g6	38	Nd6	Nf6	58	Kd2	Ke5	78								
19	Re1	Re1	39	Bc4	Nf5	59	Kd3	b4	79								
20	Re1	Rac4	40	Re1	Kf3	60	Rae4	Kxd4	80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Hong Xi-Fan						Hong Yi-Fan						396					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 68
Round 4
Board 6

WHITE Nong Xi-Fan						FED						RESULT (W)					
BLACK Hong Yi-Fan						FED						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf3	Ta2	41	Nf7	Td4	61	Hb4	Hx4						
2	d4	d5	22	Tpa1	Tc4	42	Tbc1	Td2	62	Hc4	Hg3						
3	Kc3	de	23	Tpe1	a6	43	Hg3	Tb62	63	Hd3	Hg2						
4	Ne4	Ne7	24	Nd4	Tae8	44	Nd6	Nd6	64	He2	h5						
5	Nf3	Ng6	25	b3	Td5	45	cd	Tb4	65	He3	h4						
6	Ng3	d6	26	Tae8+	Tae8	46	Ta6	Td7	66	Hf4	Hg5						
7	Td3	Td6	27	f3	Tae3	47	td3	Td4	67	Hg5	h2						
8	Ne4	Ne4	28	c4	Tee	48	Tae7	Td6	68	Hg6	h15						
9	Tae4	0-0	29	Hx2	Tae5	49	Tc4	b5	69	Hf5	Be1						
10	c3	Tee8	30	Td3	Td7	50	Tb7	h6	70	Hg5	h5f2						
11	0-0	c5	31	b4	Hx8	51	Hx2	Hx7	71	Hg4	h56						
12	Tc3	Nf6	32	Nb3	Tee	52	Hx3	Hd8	72	Hh5	h57						
13	Tc2	cd	33	Nc5	Tc8	53	He2	Tb6	73	Hh4	Hx3						
14	Td4	e5	34	Te2	Nd7	54	Hd2	Hc8	74	Hh5	Hx4						
15	Te5	Te5	35	Ne4	Tb6	55	Hd1	Tb4	75	Hh4	h56						
16	Ed8	Ta2+	36	Tb1	He7	56	Td7	Hd7	76								
17	Nh2	Td8	37	c4	Td8	57	fc	Hd6	77								
18	Tofe1	g6	38	Nd6	Nf6	58	Hd2	Hx3	78								
19	Te2	Tee	39	tc4	Ne8	59	Hb4	Hx4	79								
20	Tpa1	Tae8	40	Tpe1+	Hx8	60	Hc4	He4	80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Hong Xi-Fan						Hong Yi-Fan						396					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24-8
2026

Group 608

Round 4

Board 7

WHITE Margad-erdene amgalansuuri						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Pongestika NIRMALAJA wening						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf3	Nxf3+	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qxf3	Qe5+	42			62		
3	d4	exd4	23	Kh1	Bec	43			63		
4	Nxd4	Bc5	24	Qf6	Qxe4	44			64		
5	Bc3	Qf6	25	Rxd6	Bxb3	45			65		
6	c3	Nge7	26	Bxf7+	Rxf7	46			66		
7	Bc4	O-O	27	Qxf7	Khg	47			67		
8	O-O	Re8	28	Qf5	Kg8	48			68		
9	Nxc6	Qxc6	29	Rd8+	Rxd8	49			69		
10	C- Qf3	Rf8	30	Qxd8	Kg7	50			70		
11	Nd2	Ng6	31	Qf8#		51			71		
12	Bd5	Qd6	32			52			72		
13	Nb3	Bxe3	33			53			73		
14	fxe3	Qe7	34			54			74		
15	Nd4	Ne5	35			55			75		
16	Qe2	d6	36			56			76		
17	h3	C6	37			57			77		
18	Bb3	Bd7	38			58			78		
19	Rad1	Qg5	39			59			79		
20	Kh2	g6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Margade			P			994					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

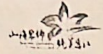
Group 608

Round 4

Board 7

WHITE Margad-erdene A						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Pongestika NIRMALAJA wening						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf3	Nxf3	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qd3	Qe4	42			62		
3	d4	ed	23	Kh1	Bec	43			63		
4	Nd4	Bc5	24	Bd4	Qe4	44			64		
5	Bc3	Nd5	25	Kf6	Qd3	45			65		
6	c3	ghe7	26	Bb7+	Qf7	46			66		
7	C	Qd	27	Qf7+	Khg	47			67		
8	O-O	Re8	28	Qd6+	Kg8	48			68		
9	Nxc6	Qxc6	29	Rd8+	Rd8	49			69		
10	Qf3	Qf8	30	Qd6+	Kg7	50			70		
11	Nd2	Ng6	31	Qf8		51			71		
12	Bd5	Qd6	32			52			72		
13	Nb3	Bxe3	33			53			73		
14	fxe3	Qe7	34			54			74		
15	Nd4	Ne5	35			55			75		
16	Qe2	d6	36			56			76		
17	h3	C6	37			57			77		
18	Bb3	Bd7	38			58			78		
19	Rd1	Qg5	39			59			79		
20	Kh2	g6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Margade			P			994					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

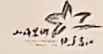


Date 24 Aug 26

Group G08
Round 4/a
Board 8

WHITE ~~Kijkamjai~~ Kijkamjai, Kannaphat						FED THA			RESULT (W) 0		
BLACK Tay sin En syne						FED SGP			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxc6	d5	41	Kf2	Ke4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rd2	Rxc6	42	Kg2	Qf3	62		
3	Nc3	Nf6	23	Cxd5	Rd6	43	Kh3	Qxh5	63		
4	Bb5	Bc5	24	Bg3	Rxd5	44	Kg2	Ke3	64		
5	Nxe5	Nxe5	25	Rxd5	Qxd5	45	a5	f5	65		
6	d4	Bd6	26	Kh2	Nh5	46	g4	Qxg4	66		
7	dxe5	Bxe5	27	Q3	Nxg3	47	Ke1	Qf3	67		
8	O-O	O-O	28	fxc3	Re8	48	Kg1	Qe2	68		
9	Bg5	h6	29	Q4	Qd3	49	Kh1	Kf3	69		
10	Bh4	d6	30	Rg1	Qd2	50	Kg1	Qg2#	70		
11	h3	a6	31	h4	Re1	51			71		
12	Be2	Be6	32	Rxe1	Qxe1	52			72		
13	Nd5	Bxb2	33	Kh3	g5	53			73		
14	Rb1	c6	34	Kg4	Qxh4	54			74		
15	Rxb2	Cxd5	35	Qxh4	Kg7	55			75		
16	exd5	Bxd5	36	g3	Kg6	56			76		
17	c4	Bc6	37	h5	Kf6	57			77		
18	Bf3	Re8	38	Kf4	Qb4	58			78		
19	Bxc6	bxc6	39	Kf3	Ke5	59			79		
20	Qf3	Re6	40	Ke3	Qe3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Kannaphat K.			SIGNATURE (BLACK) Sp			SIGNATURE (ARBITER) 994					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/8/2026

Group G8
Round 4
Board 8

WHITE kannaphat Kijkamjai						FED THA			RESULT (W) 0		
BLACK Tay, Sin En syne						FED SGP			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxc6	d5	41	Kf2	Ke4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rd2	Rxc6	42	Kg2	Qf3	62		
3	Nc3	Nf6	23	Cxd5	Rd6	43	Qxh5	Kg2	63		
4	Bb5	Bc5	24	Bg3	Rxd5	44	Ke3	a5	64		
5	Nxe5	Nxe5	25	Rxd5	Qxd5	45	a5	f5	65		
6	d4	Bd6	26	Kh2	Nh3	46	g4	Qxg4	66		
7	dxe5	Bxe5	27	a3	Nxg3	47	Kf1	Qf3	67		
8	O-O	O-O	28	fxc3	Re8	48	Kg1	Qe2	68		
9	Bg5	h6	29	a4	Qd3	49	Kh1	Kf3	69		
10	Bh4	d6	30	Rg1	Qd2	50	Kg1	Qg2#	70		
11	h3	a6	31	h4	Re1	51			71		
12	Be2	Be6	32	Rxe1	Qxe1	52			72		
13	Nd5	Bb2	33	Kh3	g5	53			73		
14	Rb1	c6	34	Kg4	Qxh4	54			74		
15	Rxb2	Cxd5	35	Qxh4	Kg7	55			75		
16	exd5	Bxd5	36	g3	Kg6	56			76		
17	c4	Bc6	37	h5	Kf6	57			77		
18	Bf3	Re8	38	Kf4	Qb4	58			78		
19	Bxc6	bxc6	39	Kf3	Ke5	59			79		
20	Qf3	Re6	40	Ke3	Qe3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Kannaphat K.			SIGNATURE (BLACK) -sin			SIGNATURE (ARBITER) 994					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24 Aug

Group G108
Round 4
Board 9

WHITE Ng Yan Ning										FED SGP	RESULT (W) 0-1-0
BLACK Nur Aara Daniel										FED MAS	RESULT (B) 0-1-0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 ⁸⁸	e5 ⁹⁰	21	Kg1	Rxe1	41	1cf4	1ce6	61	Kh3	Qg3#
2	Nf3 ⁸⁷	Nc6 ⁹¹	22	Rxe1	axel	42	1cg4	ke6	62		
3	Bc4 ⁸⁷	Bc5 ⁹¹	23	Qf1	Qxf1	43	1cf3	d4	63		
4	O-O ⁸⁶	d3 ⁹²	24	~~Kd4~~	a6	44	ke2	ke4	64		
5	h3 ⁸⁶	Nf6 ⁹²	25	ke2	1cf8	45	1cd2	f5	65		
6	Nc3 ⁸⁴	O-O ⁹²	26	ke3	Re8	46	1ce2	f4	66		
7	d3 ⁸³	h6 ⁹²	27	Kd4	Re5	47	kel	ke5	67		
8	Be3 ⁸³	Bb6 ⁹³	28	f4	Rxf5	48	1cf1	1cd2	68		
9	d4 ⁸²	exd4 ⁹³	29	g3	g5	49	1cf2	1cd2	69		
10	Nxd4 ⁸²	Nc6 ⁹³	30	fxg5	Rxg5	50	1ce2	d3	70		
11	Qe2 ⁸¹	Re8 ⁹²	31	g4	h5	51	1cf2	d2	71		
12	f3 ⁷⁹	Nxc4 ⁹²	32	~~g4~~	Rxh5	52	1cf3	d1=Q	72		
13	Qxc4 ⁷⁹	Be6 ⁹²	33	c3	Rxh3	53	Kxf4	Qe1	73		
14	~~Qd3~~	Bd7 ⁹²	34	b4	Rxc3	54	1cf3	1ch2	74		
15	Rad1	Qe7	35	Kxc3	Nd5	55	1cf4	1cd3	75		
16	Bf2	Qe5	36	1cd4	c6	56	1cf3	Qf1	76		
17	~~Rf1~~	Qg5	37	c4	Nc7	57	kg3	1ce3	77		
18	Nf5	Bxf2	38	c5	d4	58	1cg4	Qf6	78		
19	Kxf2	Bxf2	39	~~f6~~	~~Nb5~~	59	1ch5	Qg7	79		
20	exf5	Qh4	40	~~Re3~~	~~ke5~~	60	1ch4	1cf4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ng Yan Ning			A. A.			SGP					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/2026

Group G108
Round 4
Board 9

WHITE Ng Yan Ning										FED SGP	RESULT (W) 0
BLACK Nur Aara Daniel										FED MAS	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	kg1	Rxe1	41	akf4	Nb5	61	Kh3	Qg3#
2	Nf3	Nc6	22	Rxe1	Qxe1	42	1cg4	ke6	62		
3	Bc4	Bc5	23	Qf1	Qxf1	43	kf3	ke5	63		
4	O-O	d6	24	1cf1	a6	44	~~1ke2~~	d4	64		
5	h3	Nf6	25	k02	kf8	45	kd2	ke4	65		
6	Nc3	O-O	26	1cd3	Re8	46	ke2	f4	66		
7	d3	h6	27	Re5	f4	47	ke1	ke3	67		
8	Be3	Bb6	28	Rxf4	g3	48	kf1	kd2	68		
9	d4	exd4	29	g5	fxf5	49	kf2	kc2	69		
10	Nxd4	Nc5	30	Rg5	g4	50	ke2	d3	70		
11	Qe2	Re8	31	h5	gxh5	51	kf2	d2	71		
12	f3	Nc4	32	Rxh5	a3	52	kf3	d1=Q	72		
13	Qxc4	Be6	33	Rxh3	b4	53	kxf4	Qe1	73		
14	Qd3	Bd7	34	Rxc3	ke3	54	kf3	kd2	74		
15	Rad1	Qe7	35	Nd5	ked	55	kfu	kd3	75		
16	QBF2	Qe5	36	c6	c4	56	kf3	Qf1	76		
17	Rfe1	Qg5	37	c5	Nc7	57	kg3	ke3	77		
18	Nf5	Bxf2	38	~~094~~	d5	58	1g4	Qf6	78		
19	kxf2	Bxf2	39	a5	ke7	59	kh5	Qg7	79		
20	exf5	Qh4	40	ke3	f6	60	kh4	kfu	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yan, Ning, Ng			A.			SGP					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8/4/2026

Group
G 8

Round
4

Board
10

WHITE Nishigawa Aona						FED JPN			RESULT (W) 0		
BLACK Haynh Thanh Truc						FED VIE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f4	e6	21	Bxg5	Ng3	41	Kf2	g4	61		
2	e4	d5	22	Bg2	c6	42	Kel	Bc2	62		
3	cx d5	ex d5	23	Bf3	Rxh3	43	l d d2	Bd3	63		
4	Nc3	Nf6	24	Rxh3	Bxh3	44	a3	g3	64		
5	Nf3	Bg4	25	Rd4	Ne2+	45	kel	f3	65		
6	h3	Be6	26	Bxe2	Rxe2	46	Bb8	f2+	66		
7	d4	Bd6	27	Rf4	Be6	47	Kd d2	f1=a	67		
8	Bd2	Nc6	28	Rh4	f6	48	c4	~~Ke3~~	68		
9	Qe2	Qe7	29	Bd2	Rg2	49	Ke3	g2	69		
10	Nb5	a6	30	Bf4	Rg4	50	Kb4	g1=a	70		
11	Nx d6	Qx d6	31	Rxg4	Bxg4	51	Ka4	Qd1+	71		
12	O-O-O	O-O-O	32	Bd6	g6	52	l d a5	Qxb2	72		
13	g4	h6	33	Kd2	Kd7	53	Be5	Qb3	73		
14	g5	~~Nxg5~~	34	Bh2	Ke6	54	a4	~~Bd4~~	74		
15	Nx d5	Re8	35	~~Bxe3~~	~~Kf2~~	55	~~Bd4~~	b6+	75		
16	f5	Nd4	36	Kf2	ld f5	56	Bxb6	Qxa4#	76		
17	Qe3	~~Nxf5~~	37	Bb8	Ke4	57			77		
18	Qf4	Qxf4	38	Bg4	Bd1	58			78		
19	Bxf4	Ne4	39	c3	f5	59			79		
20	Rh2	Nxg5	40	Ba7	f4+	60			80		
SIGNATURE (WHITE) aona			SIGNATURE (BLACK) Truc			SIGNATURE (ARBITER) gsh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
14/01/2026

Group
G 08

Round
4

Board
10

WHITE Nishigawa, Aona						FED JPN			RESULT (W) 0-1 - 0-1		
BLACK Huyph Thanh Truc						FED VIETNAM			RESULT (B) 0-1 - 0-1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	F4	e6	21	~~h4~~ Tg5	Mg3	41	VF2	g4	61		
2	e4	d5	22	Tg2	c6	42	Ve1	Te2	62		
3	ed	ed	23	TF3	xh1	43	VD2	TD3	63		
4	Me3	ME6	24	xh3	Th3	44	~~g2~~	g7	64		
5	ME3	Tg4	25	x d4	Me2	45	Ve1	F3	65		
6	h3	Tg6 Te6	26	Te1	xe2	46	TB8	F2	66		
7	d4	Td6	27	XF4	Tb6	47	~~Ve1~~	F1=H	67		
8	Td2	Mc6	28	xh4	F6	48	C4	He2	68		
9	He2	He7	29	TD2	xg2	49	g2 Ve3	~~g4~~ g7	69		
10	MB5	a6	30	TF4	xg4	50	~~g4~~ g7	~~g1=H~~ Ve4	70		
11	Me6	Hd6	31	xg4	Tg4	51	~~Ve4~~ Hd1	~~Ve5~~ Hd1	71		
12	O-O-O	O-O-O	32	Td6	g6	52	~~H~~ Ve5	HB2	72		
13	g4	h6	33	VD2	VD7	53	Te5	HB3	73		
14	g5	hg	34	Th2	Ve6	54	a4	Tc4	74		
15	Mg5	x d e8	35	Ve3	g5	55	Te4	B6	75		
16	F5	Md4	36	VF2	VF5	56	TB6	Hau	76		
17	He3	ME5	37	TB8	Ve4	57			77		
18	HF4	MF4	38	Vg3	TD1	58			78		
19	TF4	Me4	39	C1	F5	59			79		
20	xH2	Mg5	40	Ta7	F4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) aona			SIGNATURE (BLACK) Truc			SIGNATURE (ARBITER) gsh					